

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/KDTM- PT
Ngày 21-5-2020
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy

Các thẩm phán:

Ông Trương Quốc Văn

Bà Lê Thị Phương Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa:

Bà Hoàng Phương Lý – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2020/TLPT- KDTM ngày 10 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2019/KDTM-ST ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2020/QĐ-PT ngày 04 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N.

Địa chỉ: Số 198, Trần K, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Bà Lê Thị H, sinh năm: 1980 - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Thanh Hóa, (Có mặt);

(Theo Giấy Ủy quyền số 29/UQ-THO - HCNS ngày 15/5/2018 của Giám đốc Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Thanh Hóa).

Địa chỉ: Số 05 đường P C T, phường Đ B, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Ông Mai Danh T, sinh năm: 1984; Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Q (Theo giấy ủy quyền số 23 ngày 27/11/2019), (Có mặt);

2. Bị đơn: Hợp tác xã Minh Q

Địa chỉ: Thôn N, xã Xuân H, huyện Như X, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn M - Chức vụ: Chủ nhiệm Hợp tác xã, (Có mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn M, Sinh năm 1972, (Có mặt);

3.2. Bà Hoàng Thị H, Sinh năm 1973, (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Phòng 918 - CT1A, Đ N 2, M Đ 2, phường M Đ , quận Nam T L, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Phan Viết L, sinh năm 1976

Địa chỉ: P 502 AE12 Thanh X B, quận T X, thành phố Hà Nội; (Theo văn bản ủy quyền ngày 28/02/2017), (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N trình bày:

Trên cơ sở đề nghị của HTX Minh Q và các phương án kinh doanh, dự án đầu tư đã được thẩm định, từ tháng 01/2011 đến tháng 01/2012 Ngân hàng TMCP N (viết tắt V) và Hợp tác xã Minh Q (viết tắt HTX Minh Q) đã ký các hợp đồng tín dụng, chi tiết như sau:

+ Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 31/2012/HĐTD-KHDN ngày 31/01/2012, số tiền vay là 5.000.000.000 VND, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng này là 18%/năm, được điều chỉnh theo thông báo của V, thời hạn rút vốn vay là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. HTX Minh Q đã nhận nợ các đợt sau:

Ngày 15/3/2012 nhận nợ số tiền: 1.000.000.000 đồng, ngày đến hạn: 17/9/2012. HTX đã thực hiện thanh toán số tiền gốc là: 334.490.000 đồng. Dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán đến thời điểm hiện tại là: 665.510.000 đồng.

Ngày 18/06/2012 đã nhận nợ số tiền: 500.000.000 đồng, ngày đến hạn: 18/12/2012. Dư nợ gốc còn lại là: 500.000.000đ.

Ngày 20/06/2012 đã nhận nợ số tiền: 490.000.000 đồng, ngày đến hạn: 20/12/2012. Dư nợ gốc còn lại là: 490.000.000đ.

Ngày 21/06/2012 đã nhận nợ số tiền: 310.000.000 đồng, ngày đến hạn: 21/12/2012. Dư nợ gốc còn lại là: 310.000.000đ.

Ngày 02/11/2012 đã nhận nợ số tiền: 500.000.000 đồng, ngày đến hạn: 02/05/2013. Dư nợ gốc còn lại là: 500.000.000đ.

Ngày 05/11/2012 đã nhận nợ số tiền: 94.000.000 đồng, ngày đến hạn: 06/05/2013. Dư nợ gốc còn lại là: 94.000.000 đồng.

Ngày 14/11/2012 đã nhận nợ số tiền: 470.000.000 đồng, ngày đến hạn: 15/04/2013. Dư nợ gốc còn lại là: 470.000.000đ.

Ngày 26/12/2012 đã nhận nợ số tiền: 700.000.000 đồng, ngày đến hạn: 26/06/2013. HTX đã thực hiện thanh toán số tiền gốc là: 287.500.000 đồng. Dư nợ gốc còn lại là: 412.500.000 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 146 - 2/2011/HDTD - KHDN ngày 19/9/2011, số tiền vay là 4.138.000.000 VNĐ, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 19,5%/năm, được điều chỉnh 03 tháng/lần hoặc ngay khi có thông báo thay đổi lãi suất của V, thời hạn rút vốn vay là 03 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Ngày 19/9/2011, HTX Minh Q đã nhận nợ số tiền: 4.138.000.000 đồng, gốc đến hạn 3 tháng/lần (theo lịch trả nợ). HTX đã thanh toán số tiền gốc là: 780.214.167 đồng. Dư nợ gốc còn lại là: 3.357.785.833 đồng.

Các khoản vay theo các Hợp đồng tín dụng ký kết giữa HTX Minh Q và V được bảo đảm bằng tài sản thế chấp gồm:

* Hợp đồng thế chấp căn hộ chung cư của bên thứ ba số 146-1/2010/HĐTC-KHDN ngày 24/12/2010 giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Văn M, và bà Hoàng Thị H.

Tài sản là quyền sở hữu căn hộ chung cư tại địa chỉ P918 - CT1A - ĐN2 khu ĐTM M Đ II, xã M Đ - huyện T L - TP. Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 903125 do UBND huyện T L, thành phố Hà Nội cấp ngày 30/03/2006 cho Ông Trần Văn P; Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H0967, số QĐ: 529/QĐ - UB. Đã làm thủ tục bán toàn bộ 01 căn hộ số 918 - CT1A - ĐN2 khu ĐTM M Đ II, xã M Đ, diện tích nhà ở sử dụng riêng 143,4 m² (tầng 9 nhà 15 tầng), diện tích đất ở sử dụng chung 1160 m² cho: Ông Nguyễn Văn M - Sinh năm 1972 và bà Hoàng Thị H - Sinh năm 1973.

* Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 146-2/2011/HĐTC-KHDN ngày 05/10/2011 giữa Bên thế chấp là HTX Minh Q và V.

Tài sản là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại các thửa đất số: 37; 39; 40; 41; 42; 43; 44, tờ bản đồ số 04 - Bản đồ địa chính, địa chỉ các thửa đất: Thôn N, xã Xuân H, huyện Như X, tỉnh Thanh Hóa theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau đây: BD 886158 cấp ngày 30/12/2010; BD 886159 cấp ngày 20/12/2010; BD 886160 cấp ngày 20/12/2010; BD 886161 cấp ngày 20/12/2010; BD 886162 cấp ngày 20/12/2010; BD 886163 cấp ngày 20/12/2010; BD 886164 cấp ngày 20/12/2010 do UBND huyện Như X cấp.

* Hợp đồng thế chấp tài sản số 146-2/2011/HĐTC - KHDN ngày 17/9/2011 giữa bên thế chấp là HTX Minh Q và V.

Tài sản là 03 (ba) dây chuyền sản xuất bàn ghế, cửa gỗ, ván sàn công nghiệp và 01 xe nâng nhiều chức năng thuộc Dự án đầu tư máy móc thiết bị sản xuất bàn ghế, cửa gỗ và ván sàn công nghiệp do HTX Minh Q làm chủ đầu tư, được HTX Minh Q mua theo hợp đồng kinh tế số: 15/2011/HĐKT/TK - MQ ngày 08/08/2011, ký với bên bán là Công ty TNHH Thương mại Cơ khí và XD Trung K.

Theo quy định của các Hợp đồng tín dụng và các Giấy nhận nợ, Bên vay tiền phải trả nợ gốc khi hết thời hạn vay hoặc đến kỳ hạn trả nợ (3 tháng/lần) đối với khoản vay trung hạn và trả tiền lãi phát sinh hàng tháng vào ngày 26 của mỗi tháng, lãi quá hạn sẽ được tính bằng 150% lãi trong hạn, tính theo số dư thực tế quá hạn.

Các Hợp đồng tín dụng cũng quy định rõ các trường hợp bên cho vay được quyền chấm dứt việc cho vay và thu nợ trước hạn cả gốc và lãi, trường hợp xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Kể từ tháng 09/2012 HTX Minh Q bắt đầu vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh theo quy định của các Hợp đồng tín dụng.

Theo các điều khoản đã ký tại các Hợp đồng thế chấp, V đã mời Bên thế chấp là ông Nguyễn Văn M, vợ là bà Hoàng Thị H và đại diện HTX Minh Q lên làm việc và yêu cầu các Bên thế chấp thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay, yêu cầu HTX thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nhưng bên thế chấp không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay, HTX Minh Q cũng không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Số tiền nợ của HTX Minh Q tại V đến hết ngày 16/12/2014 như sau:

- Hợp đồng tín dụng số: 31/2012/HĐTD-KHDN ngày 31/01/2012: Nợ gốc: 3.442.010.000đ; lãi trong hạn: 940.627.167đ; lãi quá hạn: 424.287.444đ. Tổng cộng: 4.806.924611đ.

- Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số: 146-2/2011/HĐTD-KHDN ngày 19/09/2011: Nợ gốc: 3.357.785.833đ; nợ lãi trong hạn: 817.351.017đ; lãi quá hạn: 186.660.835đ. Tổng cộng: 4.361.797.685đ.

HTX Minh Q còn nợ V, tổng cộng: **9.168.722.296 đồng**, trong đó: Nợ gốc: 6.799.795.833đ, lãi trong hạn: 1.757.978.184đ; lãi quá hạn: 601.948.279đ. Đề nghị tiếp tục tính lãi cho đến khi kết thúc xét xử sơ thẩm.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, HTX Minh Q đã thanh toán và ngày 05/8/2016 Ngân hàng đã rút một phần yêu cầu khởi kiện như sau:

1/ Ngày 27/07/2015, HTX Minh Q trả nợ số tiền 43.000.000đ, Ngân hàng TMCP Ngoại thương thu số tiền này vào nợ gốc của khoản vay ngày 15/03/2012, hợp đồng tín dụng số: 31/2012/HĐTD-KHDN ngày 31/01/2012, tài khoản vay số: 0787000012578, số tiền vay ban đầu: 1.000.000.000đ, dư nợ gốc còn lại đến ngày 31/10/2014: 665.510.000đ, dư nợ gốc còn lại đến ngày 05/08/2016: 622.510.000đ.

2/ Ngày 21/05/2016, trên cơ sở đơn đề nghị giảm, miễn lãi của HTX Minh Q, Ngân hàng TMCP Ngoại thương đã đồng ý cho HTX Minh Q nộp trả nợ số tiền 4.000.000.000 đồng để trả nợ, đồng thời miễn toàn bộ nợ lãi tính đến hết ngày 22/05/2016 và cho HTX Minh Q rút tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại các thửa đất số: 37; 39; 40; 41; 42; 43; 44, tờ bản đồ số 04 - Bản đồ địa chính, địa chỉ các thửa đất: Thôn N, xã Xuân H, huyện Như X, tỉnh Thanh Hóa theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau đây: BD 886158

cấp ngày 30/12/2010; BD 886159 cấp ngày 20/12/2010; BD 886160 cấp ngày 20/12/2010; BD 886161 cấp ngày 20/12/2010; BD 886162 cấp ngày 20/12/2010; BD 886163 cấp ngày 20/12/2010; BD 886164 cấp ngày 20/12/2010 do UBND huyện Như X cấp.

3/ Số tiền: 4.000.000.000 đồng HTX Minh Q trả nợ nêu trên, Ngân hàng TMCP N thu nợ như sau:

- Thu toàn bộ nợ gốc, số tiền 3.357.785.833đ của khoản vay ngày 19/09/2011 của hợp đồng tín dụng số: 146-2/2011/HĐTD-KHDN ngày 19/09/2011, số tiền vay ban đầu: 4.138.000.000đ, dư nợ gốc còn lại đến ngày 31/10/2014: 3.357.785.833đ, đã thanh toán hết số nợ gốc này.

- Thu nợ gốc, số tiền: 500.000.000đ của khoản vay ngày 18/06/2012, hợp đồng tín dụng số: 31/2012/HĐTD-KHDN ngày 31/01/2012, tài khoản vay số: 0787000015934, số tiền vay ban đầu: 500.000.000đ, dư nợ gốc còn lại đến ngày 31/10/2014: 500.000.000đ, đã thanh toán hết số nợ này.

- Thu nợ gốc, số tiền: 142.214.167đ của khoản vay ngày 21/06/2012, hợp đồng tín dụng số: 31/2012/HĐTD-KHDN ngày 31/01/2012, số tiền vay ban đầu: 310.000.000đ, dư nợ gốc còn lại đến ngày 31/10/2014: 310.000.000đ, dư nợ gốc còn lại đến ngày 05/08/2016: 167.785.833đ.

Tổng số tiền nợ lãi tính đến hết ngày 22/05/2016, Ngân hàng TMCP N miễn cho HTX Minh Q: 3.595.501.788đ. Trong đó:

- Nợ lãi trong hạn: 2.913.239.145 VND;
- Lãi quá hạn: 682.262.643 VND.

Như vậy, tính đến ngày 27/9/2016, HTX Minh Q còn nợ Ngân hàng TMCP N tổng số tiền: **2.890.592.324đ**. Trong đó:

- Nợ gốc: 2.756.795.833 VND;
- Nợ lãi quá hạn: 133.796.491đ (phát sinh từ ngày 23/05/2016 đến 27/9/2016)

Ngân hàng TMCP N đề nghị: Buộc HTX Minh Q thanh toán các khoản nợ gốc còn lại, lãi quá hạn cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương. Trường hợp không trả được nợ, đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 146-1/2010 ngày 24/12/2010 và hợp đồng thế chấp số 146-2/2011 ngày 17/9/2011.

*** Ngày 26/8/2019 Ngân hàng TMCP N có đơn xin rút một phần nội dung khởi kiện** đối với tài sản thế chấp là 03 dây chuyền sản xuất bàn ghế, cửa gỗ, ván sàn công nghiệp và 01 xe nâng.

Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa tiếp tục giải quyết vụ án, buộc HTX Minh Q phải thanh toán nợ cho Ngân hàng, số tiền nợ gốc và lãi vay tính đến ngày 25/8/2019 với số tiền là 4.000.685.086đ (Bốn tỷ, sáu trăm tám mươi lăm nghìn, không trăm tám sáu đồng), và xử lý tài sản thế chấp là Căn hộ chung cư tại địa chỉ P918 - CT1A - ĐN2 khu ĐTM M Đ II, xã M Đ - huyện T L - TP. Hà (Nay là quận Nam T L,

thành phố Hà Nội) để thu hồi nợ cho VCB Thanh Hóa trong trường hợp Hợp tác xã Minh Q không trả được nợ.

* Nay người đại diện của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử: 1. Tuyên buộc HTX Minh Q phải trả nợ V số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 23/12/2019 là 4.126.119.320 đồng (Bốn tỷ, một trăm hai mươi sáu triệu, một trăm mười chín ngàn, ba trăm hai mươi đồng) và số tiền lãi tiếp tục phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi HTX Minh Q trả hết nợ.

2. Nếu hết thời gian tự nguyện thi hành án bản án có hiệu lực pháp luật, HTX Minh Q không trả hoặc trả không đầy đủ toàn bộ số tiền nêu trên V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án thực hiện kê biên, phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp căn hộ chung cư của bên thứ ba số 146-1/2010/HĐTC-KHDN ngày 24/12/2010, tài sản là căn hộ chung cư thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn M và vợ là bà Hoàng Thị H tại địa chỉ P918-CT1-ĐN2 khu ĐTM M Đ II, xã M Đ , huyện T L, Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AĐ 903125 do UBND huyện T L, TP Hà Nội cấp ngày 30/3/2006; sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H0967, số QĐ: 529/QĐ-UB (nay là Phòng 918 – CT1A – Đ N 2, M Đ II, phường M Đ , quận Nam T L, TP Hà Nội) để thu hồi nợ.

3. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ, HTX Minh Q vẫn phải trả nợ V cho đến khi thanh toán hết nợ.

*** *Tại bản tự khai ngày 08/01/2015; biên bản hòa giải ngày 16/01/2015 và biên bản hòa giải ngày 01/7/2016, Người đại diện của Hợp tác xã Minh Q trình bày:***

Năm 2011 và năm 2012 HTX Minh Q đã vay của Ngân hàng N số tiền gồm: Năm 2011 vay vốn lưu động cho SXKD: 3 tỷ đồng; Năm 2012 vay vốn trung hạn đầu tư máy móc thiết bị phục vụ SXKD 4,1 tỷ đồng.

Được vay theo 02 hợp đồng tín dụng đó là: Hợp đồng tín dụng số 31/2012/HĐTD-KHDN ngày 07/01/2012, dư nợ gốc còn lại 3.442.010.000đ; Hợp đồng tín dụng số 146-2/2011/HĐTD-KHDN ngày 19/9/2011 dư nợ gốc còn lại 3.357.785.833đ. Theo thông báo của Ngân hàng N hiện nay dư nợ gốc còn lại là: 6.799.759.833đ.

Để đảm bảo cho việc vay tiền, HTX Minh Q đã thế chấp tài sản theo 03 hợp đồng thế chấp như Ngân hàng đưa ra là đúng.

Sau khi Tòa án thụ lý, HTX đã thanh toán và thỏa thuận với ngân hàng về việc miễn tiền lãi, rút tài sản thế chấp được như sau: Ngày 27/07/2015, HTX trả nợ số tiền 43.000.000đ, Ngân hàng TMCP N thu số tiền này vào nợ gốc của khoản vay ngày 15/03/2012, hợp đồng tín dụng số: 31/2012/HĐTD-KHDN ngày 31/01/2012, tài khoản vay số: 0787000012578, số tiền vay ban đầu: 1.000.000.000 VND, dư nợ gốc còn lại đến ngày 31/10/2014: 665.510.000 VND, dư nợ gốc còn lại đến ngày 05/08/2016: 622.510.000đ. Ngày 21/05/2016, trên cơ sở Đơn đề nghị giảm, miễn lãi của HTX Minh Q, Ngân hàng Ngoại thương đã đồng ý cho HTX Minh Q trả nợ

số tiền 4.000.000.000 đồng để trả nợ, đồng thời miễn toàn bộ nợ lãi tính đến hết ngày 22/05/2016.

Cho HTX Minh Q rút tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: tại các thửa đất số: 37; 39; 40; 41; 42; 43; 44, tờ bản đồ số 04 - Bản đồ địa chính, địa chỉ các thửa đất: Thôn N, xã Xuân H, huyện Như X, tỉnh Thanh Hóa theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau đây: BD 886158 cấp ngày 30/12/2010; BD 886159 cấp ngày 20/12/2010; BD 886160 cấp ngày 20/12/2010; BD 886161 cấp ngày 20/12/2010; BD 886162 cấp ngày 20/12/2010; BD 886163 cấp ngày 20/12/2010; BD 886164 cấp ngày 20/12/2010 do UBND huyện Như X cấp.

Số tiền: 4.000.000.000 đồng HTX Minh Q nộp trả nợ nêu trên, Ngân hàng TMCP N thu nợ như sau:

- Thu nợ gốc, số tiền 3.357.785.833đ của khoản vay ngày 19/09/2011, hợp đồng tín dụng số: 146-2/2011/HĐTD-KHDN ngày 19/09/2011, số tiền vay ban đầu: 4.138.000.000đ, nợ gốc còn lại đến ngày 31/10/2014: 3.357.785.833đ, đến ngày 05/08/2016 HTX không còn nợ tiền trong hợp đồng này.

- Thu nợ gốc, số tiền: 500.000.000đ của khoản vay ngày 18/06/2012, hợp đồng tín dụng số: 31/2012/HĐTD-KHDN ngày 31/01/2012, tài khoản vay số: 0787000015934, số tiền vay ban đầu: 500.000.000đ, dư nợ gốc còn lại đến ngày 31/10/2014: 500.000.000đ, đến ngày 05/08/2016 HTX không còn nợ tiền vay khế ước này.

- Thu nợ gốc, số tiền: 142.214.167 của khoản vay ngày 21/06/2012, hợp đồng tín dụng số: 31/2012/HĐTD-KHDN ngày 31/01/2012, tài khoản vay số: 0787000016114, số tiền vay ban đầu: 310.000.000, dư nợ gốc còn lại đến ngày 31/10/2014: 310.000.000đ, dư nợ gốc còn lại đến ngày 05/08/2016: 167.785.833đ.

Nay còn nợ tiền gốc là: 2.756.795.833đ; Đề nghị ngân hàng cho được giải chấp tài sản thế chấp là toàn bộ dây truyền sản xuất bàn ghế theo hợp đồng thế chấp số 146-2/2011 ngày 17/9/2011. Trường hợp không trả được nợ đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp còn lại.

Tại biên bản hòa giải ngày 04/10/2019 người đại diện của bị đơn trình bày ý kiến bổ sung như sau:

Ngày 31/10/2014, VCB Thanh Hoá khởi kiện HTX Minh Q ra Toà án thành phố Thanh Hoá để giải quyết tranh chấp đối với 02 hợp đồng tín dụng số **31/2012/HĐTD-KHDN** ngày 31/01/2012 và số **146-2/2011/HĐTD-KHDN** ngày 19/09/2011. Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện VCB Thanh Hoá và HTX Minh Q đã có thoả thuận giải quyết bằng thương lượng, hoà giải. Theo đó, ngày 21/05/2016, HTX Minh Q đã chuyển 4.000.000.000đ (*Bốn tỷ đồng chẵn*) vào tài khoản của HTX tại VCB Thanh Hoá, dùng số tiền 3.357.785.833đ để tất toán khoản vay và thanh lý hợp đồng số 146-2/2011/HĐTD-KHDN ngày 19/09/2011.

Số tiền còn lại là 642.214.167đ được dùng để trả một phần nợ gốc cho hợp đồng tín dụng số 31/2012/HĐTD-KHDN ngày 31/01/2012. VCB Thanh Hoá đã miễn toàn bộ lãi phát sinh của cả hai hợp đồng đến ngày 21/05/2016 cho HTX. Nợ gốc còn lại của hợp đồng tín dụng số 31/2012/HĐTD-KHDN ngày 31/01/2012 là **2.756.795.833đ**.

Sau khi tất toán thanh lý được hợp đồng tín dụng số 146-2/2011/HĐTD-KHDN ngày 19/09/2011, và giải chấp các tài sản liên quan đến hợp đồng này, *(VCB Thanh Hoá đã tẩy xóa, sửa chữa ngày tháng trên giấy chứng nhận QSD của ông Nguyễn Văn M để khớp với hợp đồng thế chấp QSD đất theo hợp đồng tín dụng. Quá trình giải quyết vụ án Toà cấp sơ thẩm đã phát hiện và không chấp nhận hiệu lực pháp lý của hợp đồng thế chấp số 146-2/2011/HĐTC ngày 5/10/2011 nên đã tạm đình chỉ để hai bên tiếp tục thương lượng)* Ngày 5/8/2016, VCB Thanh Hoá tiếp tục khởi kiện HTX Minh Q để giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng số 31/2012/HĐTD-KHDN ngày 31/01/2012.

Để đảm bảo sự thật khách quan và tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của Bộ luật TTDS trong việc giải quyết tranh các chấp dân sự, kinh doanh thương mại. HTX Minh Q đã đề nghị Toà án xem xét về bản chất, nguồn gốc phát sinh hợp đồng số 31/2012/HĐTD-KHDN ngày 31/01/2012, và Toà án cũng có thẩm quyền xem xét những hợp đồng có liên quan và tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng số 31/2012/HĐTD-KHDN ngày 31/01/2012 (HĐ31). HTX Minh Q có căn cứ cho rằng: *HĐ31 là hợp đồng vô hiệu do giả tạo và vi phạm điều cấm của pháp luật được quy định tại Đ123; Đ124 Bộ Luật dân sự 2015*. Bởi vì hợp đồng này được lập ra nhằm, đảo nợ, ép bên vay nhận lại nợ cũ, che dấu, khoả lấp những vi phạm của hợp đồng 146/2010/HĐTD-KHDN ngày 7/1/2011, tại thời điểm đó các khoản vay theo hợp đồng tín dụng này đang trong tình trạng nợ xấu, do HTX Minh Q thực hiện dự án kinh doanh vay vốn hạn mức theo hợp đồng này bị mất vốn, mất khả năng trả nợ, đây là hậu quả do VCB Thanh Hoá vi phạm hợp đồng 146/2010, nên cố ý che đậy, khoả lấp bằng HĐ31 để trốn tránh trách nhiệm hợp đồng 146/2010. Vì vậy để giải quyết tranh chấp HĐ31, HTX Minh Q đề nghị Quý Toà xem xét các vấn đề liên quan và HĐ 146/2010/HĐTD-KHDN ngày 7/1/2011.

Đầu năm 2011, lãnh đạo hai doanh nghiệp là HTX Minh Q và VCB Thanh Hoá đã gặp nhau bàn bạc. Theo đó HTX Minh Q trình VCB Thanh Hoá phương án kinh doanh năm 2011, để Ngân hàng đầu tư tín dụng và cho vay hạn mức 5 tỷ đồng đối với phương án sản xuất gỗ dán dùng để bán trong nước và xuất khẩu của HTX Minh Q. Ngày 7/1/2011, hai bên đã tiến hành ký hợp đồng tín dụng số 146/2010/HĐTD-KHDN, hạn mức cho vay 5 tỷ đồng (5.000.000.000đ), thời hạn vay: 12 tháng, mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động SXKD, Lãi suất 16,2% tại thời điểm cho vay.

Sau khi Ngân hàng nhận cầm cố các tài sản là nhà xưởng của công ty, ngày 24/12/2010 hai bên ký hợp đồng thế chấp tài sản đảm bảo của bên thứ ba là căn hộ chung cư. Ngày 07/01/2011, VCB Thanh Hoá và HTX Minh Q ký hợp đồng tín dụng số 146/2010/HĐTD-KHDN. Sau khi ký hợp đồng tín dụng, HTX Minh Q đã đầu tư tài chính của mình, đồng thời rút vốn vay của ngân hàng theo tiến độ để tiến hành phương án sản xuất, khi HTX rút vốn vay đến 3 tỷ đồng thì ngân hàng ngừng việc cấp vốn và không nói rõ lý do, nhưng qua tìm hiểu và phát ngôn không chính thức của cán bộ ngân hàng thì nguyên nhân là VCB Thanh Hoá đang mất cân đối giữa huy động vốn và cho vay ra. HTX đã nhiều lần yêu cầu trực tiếp tại trụ sở Ngân hàng, và đã gửi công văn số 21/2011/CV ngày 1/4/2011 để yêu cầu Ngân hàng thực hiện nghĩa vụ của mình, nhưng Ngân hàng vẫn không thực hiện nghĩa vụ của mình theo hợp đồng.

Việc Ngân hàng vi phạm nghĩa vụ được quy định tại Điều 7 khoản 7 tiểu mục 7.2.2 Hợp đồng số 146/2010/HĐTD-KHDN ngày 7/1/2011, đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất của HTX Minh Q. Do HTX Minh Q không rút được tiền vay để hoàn thiện đơn hàng, cho nên không có hàng hóa để giao cho khách hàng theo hợp đồng đã ký, dẫn đến việc khách hàng phạt vi phạm và đòi bồi thường thiệt hại. Toàn bộ hàng hóa sản xuất dở dang không sử dụng được, để lâu mỗi mọt, ô nhiễm môi trường nên HTX phải bán thanh lý cho nhân dân làm chất đốt.

HTX Minh Q nghị Tòa án buộc VCB Thanh Hóa phải bồi thường cho HTX Minh Q số tiền: **11.929.425.400đ** là thiệt hại cụ thể đã đo đếm được.

* Các thiệt hại nêu trên của HTX Minh Q là do lỗi hoàn toàn từ phía VCB Thanh Hóa, vì ngân hàng đã vi phạm nghĩa vụ được quy định tại Điều 7, khoản 2 tiểu mục 7.2.2, hợp đồng tín dụng số 146/2010/HĐTD-KHDN ngày 07/1/2011. Ngân hàng là bên biết và buộc phải biết về hậu quả xảy ra nếu ngân hàng vi phạm hợp đồng, ngoài việc buộc phải biết về nghĩa vụ cấp đủ tiền cho bên vay, ngân hàng đã được HTX đề nghị, nhắc nhở nhiều lần, trong đó có cả việc nhắc nhở trách nhiệm liên quan đến quyền lợi của bên thứ 3, là bên thế chấp tài sản để đảm bảo cho hợp đồng vay. Bên đi vay là HTX Minh Q hoàn toàn không có lỗi trong việc này. Với số tiền HTX Minh Q yêu cầu Ngân hàng phải bồi thường thiệt hại nêu trên, đề nghị Quý tòa cho phép dùng một phần để đối trừ cho nghĩa vụ trả nợ của HTX Minh Q theo HĐ tín dụng số 31/2012/HĐTD-KHDN ngày 31/1/2012, vì đây bản chất là khoản vay từ HĐ 146/2010/HĐTD-KHDN ngày 7/1/2011 chuyển sang.

Nay người đại diện theo pháp luật của bị đơn đề nghị HĐXX chỉ xem xét đến tính pháp lý của hợp đồng tín dụng số 31/2012, và không yêu cầu HĐXX xem xét hợp đồng 146/2010 và 146-2/2011. Vì, Hợp đồng 31/2012/HĐTD-KHDN ngày 31/01/2012 là ngụy biện giả tạo, che dấu cho việc vi phạm của hợp đồng

146/2010/HĐTD-KHDN ngày 07/01/2011. Sau khi ký hợp đồng 31 Ngân hàng đã yêu cầu HTX Minh Q nhận nợ để đảo nợ cho hợp đồng 146/2010 và cam kết khi đảo nợ sẽ giải ngân cho dự án mới vay. Như vậy hợp đồng 31 là để đảo nợ và xóa lấp những vi phạm của hợp đồng 146/2010, do đó hợp đồng này bị vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật. HTX Minh Q chỉ phải thanh toán tiền gốc của những món vay này. VCB phải trả lại tiền lãi đã thu từ các khoản vay của hợp đồng 146/2010 từ thời điểm đảo nợ tháng 7/2011, tiếp đó là lãi của các khoản vay từ HĐ 31 phát sinh từ ngày nhận nợ đến ngày VCB công bố là nợ xấu, số nợ gốc còn lại phát sinh từ HĐ 146/2010 mà VCB đã đảo nợ bằng HĐ 31/2012, HTX Minh Q sẽ có trách nhiệm thanh toán trên cơ sở khấu trừ vào tiền bồi thường thiệt hại của VCB cho HTX Minh Q.

* Đối với tài sản đảm bảo là căn hộ 918 tại Hà Nội của bên thứ 3 là của ông Minh bà H, đề nghị Quý tòa yêu cầu Ngân hàng xóa thế chấp và trả lại giấy tờ cho bên thứ 3; vì:

1. Do Ngân hàng vi phạm hợp đồng không cấp đủ vốn vay tại hợp đồng số 146/2010/HĐTD-KHDN ký ngày 7/1/2011, nên phạm vi bảo đảm chưa cần sử dụng đến tài sản của bên thứ 3 (*Tài sản cầm cố của HTX lúc đó là 4.289.000.000đ, tài sản bảo lãnh của bên thứ 3 là 4.302.000.000đ mà VCB Thanh Hoá mới thực hiện giải ngân 3 tỷ*). Mặt khác HĐ thế chấp của bên thứ 3 cũng không nói rõ cụ thể sẽ bảo đảm cho hợp đồng tín dụng nào, số tiền cụ thể là bao nhiêu.

2. Nghĩa vụ bảo đảm của bên thứ 3 trong HĐ thế chấp thuộc loại bảo đảm cho các nghĩa vụ trong tương lai. Thời điểm ký HĐ thế chấp giữa bên thứ 3 với ngân hàng là ngày 24/12/2010, tại thời điểm này HTX và Ngân hàng chưa phát sinh HĐTD và khoản vay nào, đến ngày 07/01/2011 hai bên mới phát sinh HĐTD.

Như vậy, việc ngân hàng là một bên chủ thể của hợp đồng thế chấp nhưng không thông báo cho bên thế chấp biết cụ thể về phạm vi nghĩa vụ được bảo đảm đối với nghĩa vụ phát sinh trong tương lai, không có biên bản thỏa thuận cụ thể với bên thế chấp về phạm vi nghĩa vụ được đảm bảo, là vi phạm nghiêm trọng quyền của bên thế chấp. Điều này cũng khẳng định hợp đồng thế chấp số 146-1/2010/HĐTC-KHDN ngày 24/12/2010 không có nghĩa vụ phải bảo đảm cho các hợp đồng tín dụng đã phát sinh giữa HTX và Ngân hàng. Vì bên thứ 3 không biết cụ thể phải bảo đảm cho hợp đồng nào, số tiền cụ thể là bao nhiêu. Các lần giải ngân của 3 tỷ đồng theo hợp đồng 146/2010, V Thanh Hoá chỉ thông báo cho đại diện HTX Minh Q vì cho rằng chưa sử dụng đến tài sản thế chấp là căn hộ chung cư của bên thứ ba.

*** Tại bản tự khai ngày 25/3/2018 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị H trình bày:**

Ngày 24/12/2010, bà và ông Nguyễn Văn M có ký hợp đồng thế chấp căn hộ số 918 - CT1A - DDN2 M Đ 2 cho Ngân hàng Ngoại thương, chi nhánh Thanh Hóa, do ông Chu Đình Bình làm đại diện để bảo đảm cho các hợp đồng tín dụng giữa HTX Minh Q và Ngân hàng V chi nhánh Thanh Hóa trong thời hạn 05 năm. Tuy nhiên kể từ khi ký kết hợp đồng đến nay bà không nhận được bất kỳ thông báo nào của phía Ngân hàng hay HTX Minh Q về việc đã vay theo hợp đồng tín dụng nào, số tiền vay bao nhiêu. Do đó bà H đề nghị Tòa án không công nhận yêu cầu của Ngân hàng và yêu cầu Ngân hàng V phải xóa thế chấp, trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng căn hộ 918 cho bà vì đã quá thời hạn thế chấp 05 năm kể từ năm 2010.

Bà Hoàng Thị H vẫn giữ nguyên nội dung ủy quyền cho ông Phan Viết L theo giấy ủy quyền ngày 28/02/2017.

*** Tại Bản án số: 25/2016/KDTM-ST Ngày 27/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đã xét xử, quyết định:** Buộc Hợp tác xã Minh Q phải trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền vay còn nợ tính đến ngày 27/9/2016 (ngày xét xử sơ thẩm).

Tổng cộng là: 2.890.592.324đồng. Trong đó: Nợ gốc: 2.756.795.833đồng; Nợ lãi quá hạn: 133.796.491đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu Hợp tác xã Minh Q không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền trên, Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp:

+ Hợp đồng thế chấp căn hộ chung cư của bên thứ ba số 146-1/2010/HĐTC-KHDN ngày 24/12/2010 giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Văn M, và bà Hoàng Thị H.

Tài sản là quyền sở hữu căn hộ chung cư tại địa chỉ P918 - CT1A - ĐN2 khu ĐTM M Đ II, xã M Đ - huyện T L - TP. Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 903125 do UBND huyện T L, thành phố Hà Nội cấp ngày 30/03/2006 cho Ông Trần Văn P; Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H0967, số QĐ: 529/QĐ - UB. Đã làm thủ tục bán toàn bộ 01 căn hộ số 918 - CT1A - ĐN2 khu ĐTM M Đ II, xã M Đ (nay là: Phòng 981-CT1A, Đ N 2, M Đ 2, phường M Đ , quận Nam T L, TP. Hà Nội), diện tích nhà ở sử dụng riêng 143,4 m² (tầng 9 nhà 15 tầng), diện tích đất ở sử dụng chung 1160 m² cho: Ông Nguyễn Văn M - Sinh năm 1972 và Bà Hoàng Thị H - Sinh năm 1973 để đảm bảo việc trả nợ.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 146-2/2011/HĐTC - KHDN ngày 17/9/2011 giữa Bên thế chấp là HTX Minh Q và V.

Tài sản là 03 (ba) dây chuyền sản xuất bàn ghế, cửa gỗ, ván sàn công nghiệp và 01 xe nâng nhiều chức năng thuộc Dự án đầu tư máy móc thiết bị sản xuất bàn ghế, cửa gỗ và ván sàn công nghiệp do HTX Minh Q làm chủ đầu tư, được HTX Minh Q mua theo hợp đồng kinh tế số: 15/2011/HĐKT/TK - MQ ngày 08/08/2011, ký với bên bán là Công ty TNHH Thương mại Cơ khí và XD Trung K để đảm bảo việc trả nợ.

Bên phải thi hành án phải tiếp tục trả tiền lãi kể từ ngày 28/9/2016 đối với khoản tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán xong tiền nợ gốc theo mức lãi xuất 13,65%/năm.

*** *Tại bản án KDTM phúc thẩm số 01/2018/KDTM-PT ngày 08/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã xử:*** Hủy bản án KDTM sơ thẩm số 25/2016/KDTM-ST Ngày 27/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa do vi phạm tố tụng trong việc tổng đạt giấy tờ đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Tại Bản án số 01/2019/KDTM-ST ngày 23/12/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đã quyết định:

Áp dụng: khoản 1 Điều 30; Điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 40; khoản 2 Điều 244; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình Việt Nam; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 468; Điều 357 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP N.

1. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP N đối với số tiền nợ gốc là 4.043.000.000đ (Bốn tỷ, không trăm bốn mươi ba triệu); miễn toàn bộ nợ lãi tính đến ngày 22/5/2016 số tiền là 3.595.501.788đ (Ba tỷ, năm trăm chín mươi lăm triệu, năm trăm lẻ một ngàn, bảy trăm tám mươi tám đồng), trong đó lãi cộng dồn 2.913.239.145đ, lãi quá hạn 682.262.643đ và toàn bộ tài sản thế chấp là QSD đất, tài sản trên đất (07 giấy CNQSD đất) theo hợp đồng thế chấp số 146 - 2/2011 ngày 05/10/2011.

Đình chỉ xét xử đối với tài sản thế chấp là 03 (ba) dây chuyền sản xuất bàn ghế, cửa gỗ, ván sàn công nghiệp và 01 xe nâng nhiều chức năng thuộc Dự án đầu tư máy móc thiết bị sản xuất bàn ghế, cửa gỗ và ván sàn công nghiệp do HTX Minh Q làm chủ đầu tư, được HTX Minh Q mua theo hợp đồng kinh tế số: 15/2011/HĐKT/TK - MQ ngày 08/08/2011, ký với bên bán là Công ty TNHH Thương mại Cơ khí và XD Trung K để đảm bảo việc trả nợ. Hợp đồng thế chấp tài sản số 146-2/2011/HĐTC - KHDN ngày 17/9/2011 giữa Bên thế chấp là HTX Minh Q và V.

2. Buộc Hợp tác xã Minh Q phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP N, Tính đến ngày ngày xét xử sơ thẩm 23/12/2019 với số tiền là **4.126.119.320 đồng** (Bốn tỷ, một trăm hai mươi sáu triệu, một trăm mười chín ngàn, ba trăm hai mươi đồng), trong đó: Nợ gốc: **2.756.795.833 đồng** (Hai tỷ, bảy trăm năm mươi sáu triệu, bảy trăm chín mươi lăm nghìn, tám trăm ba mươi ba đồng); Nợ lãi: **1.369.323.487 đồng** (Một tỷ, ba trăm sáu mươi chín triệu, ba trăm hai mươi ba ngàn, bốn trăm tám mươi bảy đồng).

Kể từ ngày 24/12/2019 Hợp tác xã Minh Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mục lãi suất quá hạn trong

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 31/2012/HĐTD-KHDN ngày 31/01/2012 được ký kết giữa các bên cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật nếu Hợp tác xã Minh Quang không thanh toán số tiền trên cho Ngân hàng TMCP N, thì ngân hàng TMCP N có quyền yêu cầu Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa kê biên tài sản thế chấp

Tài sản là quyền sở hữu căn hộ chung cư , diện tích nhà ở sử dụng riêng 143,4m² (tầng 9 nhà 15 tầng), diện tích đất ở sử dụng chung 1160 m² tại địa chỉ P918 - CT1A - ĐN2 khu ĐTM M Đ II, xã M Đ - huyện T L – thành phố Hà Nội (Nay là Phường M Đ 2, quận Nam T L, thành phố Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 903125 do UBND huyện T L, thành phố Hà Nội cấp ngày 30/03/2006 cho Ông Trần Văn P; Ngày 04/12/2006 Văn phòng đăng ký đất và nhà huyện T L đã đăng ký biến động sang tên cho ông Nguyễn Văn M và bà Hoàng Thị H theo hợp đồng mua bán căn hộ số 966.2006/MBN, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD được phòng công chứng số 4 thành phố Hà Nội chứng nhận ngày 07/11/2006, để đảm bảo việc thu hồi nợ cho Ngân hàng. (theo hợp đồng thế chấp số 146 -1/2010/HĐTC- KHDN ngày 24/12/2010).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 30/12/2019, người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Nguyễn Văn M kháng cáo, với nội dung:

1. Xem xét tính hợp pháp của Hợp đồng 31/2012/HĐTD-KHDN mà nguyên đơn và bị đơn là các bên tham gia ký kết; xem xét việc ngân hàng VCB cho HTX Minh Q vay vốn hạn mức theo Hợp đồng 31/2012/HĐTD-KHDN ngày 31/01/2012, để trả nợ cho khoản vay của Hợp đồng 146/2010/HĐTD-KHDN ngày 07/01/2011, có phải là hành vi đảo nợ bị pháp luật cấm hay không? Xem xét bản chất Hợp đồng 31/2012/HĐTD-KHDN cho vay vào mục đích gì?

2. Đề nghị cấp phúc thẩm áp dụng Điều 123 và Điều 124 BLDS, tuyên bố Hợp đồng 31/2012/HĐTD-KHDN ngày 31/01/2012 vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật; vô hiệu do giả mạo tài liệu cho vay. Các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn rút đơn khởi kiện; người đại diện theo pháp luật của bị đơn không đồng ý việc rút đơn của nguyên đơn và không rút kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm tuân theo quy định của BLTTDS. Đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ Khoản 3 Điều 308 BLTTDS hủy bản án KDTM sơ thẩm. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự và ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, người đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Nguyễn Văn M kháng cáo trong thời hạn quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn rút đơn khởi kiện; người đại diện theo pháp luật của bị đơn không đồng ý việc rút đơn của nguyên đơn. Do đó, không chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 299 của BLTTDS.

[2]. Về thành phần những người tiến hành tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm.

Hội thẩm nhân dân Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa là ông Nguyễn Hồng V đã tham gia tiến hành tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm (Bản án số 25/2016/DSST ngày 27/9/2016 của TAND thành phố Thanh Hóa), sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn có kháng cáo, tại Bản án số 01/2018/DS-PT ngày 08/01/2018 của TAND tỉnh Thanh Hóa đã Quyết định hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao TAND thành phố Thanh Hóa xét xử lại, nhưng Hội thẩm nhân dân ông Nguyễn Hồng V vẫn tiếp tục tham gia xét xử lại sơ thẩm tại Bản án số 01/2019/KDTM-ST ngày 23/12/2019 là chấp hành không đúng quy định tại khoản 3 Điều 53 Bộ luật tố tụng dân sự. Do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về thành phần của Hội đồng xét xử sơ thẩm không đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên hủy bản án sơ thẩm; căn cứ khoản 2 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Các nội dung kháng cáo: Do hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm về tố tụng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét. Đề nghị các đương sự trình bày, xuất trình tài liệu chứng cứ khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[4]. Về án phí: Số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xử lý khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm nên Hợp tác xã Minh Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; căn cứ khoản 3 Điều 148 của BLTTDS. Khoản 3 Điều 29 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào Khoản 3 Điều 308; khoản 2 Điều 310; điểm a khoản 1 Điều 299; khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 3 Điều 29 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hủy bản án sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Hợp tác xã Minh Q không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm; hoàn trả lại cho Hợp tác xã Minh Q số tiền 2.000.000đ theo biên lai thu số 681 ngày 02/01/2020 của Chi cục THADS thành phố Thanh Hóa.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND thành phố Thanh Hóa;
- Chi cục THADS thành phố Thanh Hóa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Thủy